



CÔNG AN TỈNH YÊN BÁI
PHÒNG CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH
VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI

TÀI LIỆU

TẬP HUẤN LUẬT CĂN CƯỚC NĂM 2023
(SỐ 26/2023/QH15, CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01/7/2024)

Ngày 28 tháng 5 năm 2024

TÀI LIỆU TẬP HUẤN LUẬT CĂN CƯỚC NĂM 2023 (Số 26/2023/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2024)

***Báo cáo viên:** Thượng tá Lê Văn Hiền - Phó Trưởng phòng, phòng Cảnh sát
Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh Yên Bái.*

I. Tổng quan về Luật Căn cước

Luật Căn cước năm 2023 có **07 chương, 46 điều** và có một số nội dung mới, sửa đổi, bổ sung so với Luật Căn cước công dân năm 2014 như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh, Luật Căn cước năm 2023 quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; căn cước điện tử; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Về đối tượng áp dụng, Luật Căn cước năm 2023 mở rộng đối tượng áp dụng so với Luật Căn cước công dân năm 2014, ngoài áp dụng đối với công dân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Luật này còn áp dụng đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.

3. Về quy định thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Luật Căn cước năm 2023 quy định theo hướng mở rộng, tích hợp nhiều thông tin khác của công dân và người gốc Việt Nam trong các cơ sở dữ liệu khác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để trực tiếp phục vụ cho việc ứng dụng tiện ích của thẻ căn cước, căn cước điện tử, kết nối, chia sẻ, thông tin người dân.

4. Về nội dung thể hiện trên thẻ căn cước, Luật Căn cước năm 2023 sửa đổi, bổ sung theo hướng lược bỏ vân tay và sửa đổi quy định về thông tin số thẻ căn cước, dòng chữ “căn cước công dân”, quê quán, nơi thường trú, chữ ký của người cấp thẻ thành số định danh cá nhân, dòng chữ “căn cước”, nơi đăng ký khai sinh, nơi cư trú... việc thay đổi, cải tiến như trên để tạo thuận lợi hơn cho người dân trong quá trình sử dụng thẻ căn cước, hạn chế việc phải cấp đổi thẻ căn cước và bảo đảm tính riêng tư của người dân; các thông tin căn cước của người dân cơ bản sẽ được lưu trữ, khai thác, sử dụng thông qua chip điện tử trên thẻ căn cước. Đối với những thẻ căn cước công dân đã cấp thì vẫn còn nguyên giá trị sử dụng, không bị tác động bởi quy định này.

5. Về người được cấp thẻ căn cước, Luật Căn cước năm 2023 bổ sung quy định về quản lý, cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của họ; phát huy giá trị, tiện ích của thẻ căn cước trong hoạt động của Chính phủ số, xã hội số. Việc cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi sẽ thực hiện theo nhu cầu, còn đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên là bắt buộc.

6. Về cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam, đây là nội dung được bổ sung so với quy định của Luật Căn cước công dân năm 2014 nhằm bảo đảm quyền, lợi ích của người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam; đồng thời, phục vụ tốt hơn công tác quản lý nhà nước về dân cư.

7. Về tích hợp thông tin vào thẻ căn cước, Luật Căn cước năm 2023 bổ sung quy định về việc tích hợp một số thông tin có tính ổn định, được sử dụng thường xuyên của người dân ngoài thông tin về căn cước vào thẻ căn cước; việc sử dụng các thông tin tích hợp từ thẻ căn cước có giá trị tương đương như việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng các giấy tờ có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại khác; qua đó, giúp giảm giấy tờ cho người dân, tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện giao dịch dân sự, thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính.

8. Về căn cước điện tử, đây là nội dung được bổ sung so với quy định của Luật Căn cước công dân năm 2014. Luật Căn cước năm 2023 quy định mỗi công dân chỉ có 01 căn cước điện tử; căn cước điện tử sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và thực hiện các giao dịch, hoạt động khác theo nhu cầu của công dân.

9. Về quy định chuyển tiếp, Luật Căn cước năm 2023 đã bổ sung quy định chuyển tiếp về việc sử dụng thẻ căn cước công dân đã được cấp; giá trị sử dụng của chứng minh nhân dân để không làm phát sinh thủ tục hành chính, tác động đến người dân khi Luật Căn cước được thông qua, có hiệu lực thi hành.

II. NỘI DUNG CHI TIẾT

1. Về tên gọi của Luật - Luật Căn cước

Trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi), Chính phủ đã thống nhất thông qua 04 chính sách trong đề nghị xây dựng Luật; trong đó, bao gồm cả chính sách về việc cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam nhưng chưa xác định được quốc tịch và căn cước công dân điện tử (tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam). Vì vậy, để cụ thể hoá các chính sách nêu trên trong Luật Căn cước năm 2023 được đầy đủ, chặt chẽ, bảo đảm tính bao quát và phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

của Luật, Quốc hội đã thống nhất với đề nghị của Chính phủ về việc chỉnh lý tên gọi của dự án Luật từ “**Luật Căn cước công dân (sửa đổi)**” thành “**Luật Căn cước**”.

Việc sử dụng tên của Luật là “Luật Căn cước” sẽ bảo đảm thể hiện đầy đủ chính sách sửa đổi, bổ sung tại dự án Luật lần này (bổ sung điều chỉnh đối với đối tượng là người gốc Việt Nam và quy định về căn cước điện tử), phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nội dung Luật Căn cước năm 2023. Đồng thời, thể hiện đúng nội hàm của công tác quản lý căn cước là nhằm mục đích định danh, xác định rõ danh tính của từng con người cụ thể, phân biệt cá nhân này với cá nhân khác cũng như đáp ứng yêu cầu quản lý căn cước ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là phải quản lý đối với toàn bộ xã hội, mọi người dân sinh sống tại Việt Nam; bảo đảm các quyền của con người, quyền công dân theo quy định của Luật.

2. Phân tích chi tiết

CHƯƠNG I – QUY ĐỊNH CHUNG

1. Bổ sung phạm vi điều chỉnh về Giấy chứng nhận căn cước; căn cước điện tử

(1) Về căn cước điện tử

Luật Căn cước công dân năm 2014 mới chỉ tập trung vào việc quản lý công dân qua Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, qua thẻ Căn cước công dân mà chưa có quy định về tài khoản định danh điện tử (căn cước điện tử) đối với cá nhân trên môi trường điện tử. Quy định của pháp luật về các vấn đề trên chủ yếu được quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật, văn bản dưới luật (như Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015, Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử...); trong khi đó, đây là vấn đề lớn, tác động rộng rãi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân nên cần được luật hóa để bảo đảm đúng tinh thần của Hiến pháp là các quy định liên quan đến quyền con người, quyền công dân cần phải ban hành dưới hình thức luật (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp), bảo đảm, bảo vệ được quyền, lợi ích chính đáng của cá nhân.

Thực tiễn hiện nay, Bộ Công an cũng đang triển khai cấp tài khoản định danh điện tử cho người dân theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP; chỉ có tài khoản do hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an tạo lập cho người dân Việt Nam mới là tài khoản định danh điện tử. Đồng thời, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP cũng quy định rõ giá trị sử dụng của tài khoản định danh điện tử của người dân là tương đương với thẻ căn cước công dân; các tài khoản khác do cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập thì không phải là tài khoản định danh điện tử và không có giá trị sử dụng tương đương với thẻ căn cước công dân.

(2) Bổ sung phạm vi điều chỉnh là Giấy chứng nhận căn cước cấp cho người gốc Việt Nam chưa xác định

Trong quá trình xây dựng Luật này, Bộ Công an đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thấy rằng Luật Quốc tịch, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có quy định về người nước ngoài và công dân Việt Nam; trong đó, tập trung quy định về việc công nhận, xác định quốc tịch, quản lý cư trú (cấp thẻ thường trú, tạm trú...). Tuy nhiên, các luật này đều không điều chỉnh, quy định về quản lý căn cước đối với người gốc Việt Nam. Trong khi đó, thực tiễn cho thấy tại nước ta có một bộ phận không nhỏ người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam do nhiều nguyên nhân khác nhau liên quan đến lịch sử, chiến tranh, di cư... mà họ và các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương đều không có thông tin hoặc bất cứ giấy tờ nào chứng minh về nhân thân, lai lịch (những người này đều không đủ điều kiện được cấp thẻ thường trú, tạm trú theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; không thể thực hiện khám chữa bệnh, ký hợp đồng lao động, nhập học hoặc tham gia giao dịch dân sự cần chứng minh thông tin nhân thân...) nên để giải quyết tình trạng này, quy định quản lý căn cước đối với người gốc Việt Nam tại dự án Luật là cần thiết và phù hợp; nội dung này không trái với quy định của Luật Quốc tịch và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Vì vậy, Luật Căn cước 2023 đã bổ sung điều chỉnh đối với đối tượng người gốc Việt Nam và quy định cấp giấy chứng nhận căn cước cho họ là cần thiết, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với quy định của pháp luật hiện hành; theo đó, cần thiết sửa đổi tên Luật là Luật Căn cước để phù hợp với việc bổ sung các quy định điều chỉnh đối với nhóm người gốc Việt Nam.

Có thể hiểu “người gốc Việt Nam chưa xác định quốc tịch” là các trường hợp không được xác định là người không quốc tịch (không có giấy tờ, tài liệu chứng minh có quốc tịch Việt Nam và nước khác) và là người gốc Việt Nam đang cư trú ở trong nước (có cùng dòng máu về trực hệ với người đã từng có quốc tịch Việt Nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống: có ông, bà, cha, mẹ)

2. Bổ sung một số khái niệm trong Luật Căn cước

Luật Căn cước mới bổ sung một số khái niệm về Sinh trắc học, Thẻ căn cước, Giấy chứng nhận căn cước, Danh tính điện tử của công dân Việt Nam, Hệ thống định danh và xác thực điện tử, Định danh điện tử đối với công dân Việt Nam, Xác thực điện tử đối với danh tính điện tử của công dân Việt Nam, Căn cước điện tử, Ứng dụng định danh quốc gia, Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, trong đó, một số từ ngữ được giải thích chi tiết, cụ thể bảo đảm thống nhất về cách hiểu, xác định khi triển khai thực tế.

3. Bổ sung quy định về bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân

Dự thảo Luật mới quy định cụ thể hơn về trách nhiệm cập nhật, phương thức cập nhật, bảo đảm thông tin tích hợp vào thẻ căn cước được chính xác, kịp thời, an ninh, an toàn thông tin; đồng thời, sẽ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh quá trình số hóa, chuẩn hóa số liệu, nâng cấp, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin để phục vụ việc tích hợp thông tin; nâng cấp hệ thống, trang thiết bị phục vụ yêu cầu công tác, đáp ứng việc chuyển đổi số ở bộ, ngành, địa phương.

4. Quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước

Luật Căn cước bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước. Theo đó, sửa đổi, bổ sung các quy định để phù hợp, thống nhất với các chính sách mới của Luật như:

- (1) Quyền của Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch
- (2) Sửa đổi, bổ sung các quyền và nghĩa vụ liên quan đến căn cước điện tử, thẻ căn cước
- (3) Bổ sung quy định quyền và nghĩa vụ của người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự;

5. Các hành vi bị nghiêm cấm

Bổ sung quy định về việc khai thác, chia sẻ, mua, bán, trao đổi, chiếm đoạt, sử dụng trái phép thông tin dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử để phù hợp với các quy định mới của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, giao dịch điện tử (Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân...).

Chương II

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ, CƠ SỞ DỮ LIỆU CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Trong nội dung này, Luật Căn cước bổ sung yêu cầu về việc Bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật, Bảo đảm lưu trữ đầy đủ thông tin của cá nhân tại các lần được thu thập, cập nhật, điều chỉnh trong cơ sở dữ liệu.

1. Về các loại thông tin thu thập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Tại Điều 9 Luật Căn cước quy định 26 nhóm thông tin (bao gồm cả thông tin về số định danh cá nhân do chính Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tạo lập cho công dân) cần có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ chuyển đổi số quốc gia theo Đề án 06, trong đó:

- Nhóm thông tin của công dân bắt buộc phải thu thập gồm: (1) Họ, chữ đệm và tên khai sinh; (2) Ngày, tháng, năm sinh; (3) Giới tính; (4) Nơi đăng ký khai sinh ... các nhóm thông tin này là thông tin để tạo lập số định danh cá nhân (khoản 3 Điều 9), giúp phân biệt người này với người khác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ công tác quản lý dân cư.

- Nhóm thông tin còn lại bao gồm: Nơi thường trú, Nơi tạm trú, Nơi ở hiện tại... là những thông tin cần thiết phải có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương; đáp ứng các mục tiêu chuyển đổi số của Đề án số 06; Công dân có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan nhà nước khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và được bảo đảm quyền lợi của công dân khi sử dụng các tiện ích, giá trị do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đem lại.

2. Về sự cần thiết của việc thu thập, cập nhật các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

- Đối với nhóm thông tin về hộ tịch và thông tin về Nơi thường trú, Nơi tạm trú, Nơi ở hiện tại... cần có để phục vụ việc xác định về thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, thông tin địa vị pháp lý, quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân...

- Đối với thông tin về nhóm máu để phục vụ công tác cấp cứu, xây dựng nguồn máu dự phòng trong khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học, xây dựng kế hoạch phát triển, dự phòng y tế...

- Đối với thông tin về số điện thoại di động, địa chỉ thư điện tử để bảo đảm sự liên lạc giữa cơ quan nhà nước với người dân (giải quyết thủ tục hành chính, tuyên truyền chính sách, cung cấp tin tức phòng chống tội phạm, xử lý tình huống đột xuất, phức tạp về quốc phòng, an ninh...); để thực hiện xác thực khi tạo lập, sử dụng căn cước điện tử hoặc thực hiện giao dịch với cơ quan nhà nước...

Hiện nay chỉ có Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là cơ sở dữ liệu duy nhất của nhà nước được Chính phủ đầu tư bài bản từ cơ sở hạ tầng, hệ thống phần mềm, được quản lý, giám sát bởi đội ngũ cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin, an ninh mạng; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là cơ sở dữ liệu dùng chung của cơ quan nhà nước, được kết nối, chia sẻ, phân cấp, phân quyền khai thác, sử dụng thông tin

tới toàn bộ các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương. Việc truy xuất thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, nhanh chóng, thuận lợi nhưng vẫn bảo đảm tính bảo mật, an toàn thông tin. Nếu không lưu trữ các thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà sử dụng phương thức truy xuất từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thì sẽ dẫn đến các khó khăn, bất cập sau:

- Không bảo đảm hiệu quả về kinh tế, khi nhà nước phải tốn nhiều chi phí để đầu tư xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu khác đáp ứng được yêu cầu về kết nối, chia sẻ, khai thác, bảo mật.

- Không bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất trong việc thu thập, cập nhật, chuẩn hóa thông tin của người dân; có tình trạng thông tin của 01 người dân trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành là khác nhau, không thống nhất; do vậy, chỉ có thông qua việc đồng bộ, chuẩn hóa khi thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau) mới có cơ sở để kiểm tra, xác minh, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu của người dân.

3. Về nguyên tắc thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Thông tin của người dân được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ tàng thư do lực lượng Công an nhân dân quản lý và Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu hộ tịch và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác qua việc xử lý chuẩn hóa dữ liệu sẵn có về dân cư.

Trường hợp thông tin chưa có hoặc chưa đầy đủ thì được thu thập, cập nhật từ người dân. Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có liên quan và người dân để kiểm tra tính pháp lý của các thông tin do người dân cung cấp trước khi thu thập, cập nhật để bảo đảm tính chính xác, thống nhất.

4. Về một số lợi ích đem lại của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Hiện nay, Bộ Công an đang cung cấp nhiều dịch vụ khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho các bộ, ngành, địa phương như: (1) Dịch vụ xác thực thông tin người dân; (2) Dịch vụ xác thực thông tin hộ gia đình; (3) Dịch vụ tra cứu thông tin người dân; (4) Dịch vụ gợi ý số định danh cá nhân yêu cầu có số chứng minh nhân dân; (5) Dịch vụ gợi ý số định danh không yêu cầu có số chứng minh nhân dân; (6) Dịch vụ xác nhận số định danh cá nhân và số chứng minh nhân dân... Các dịch vụ này trong thời gian qua đã được triển khai rất hiệu quả, đem lại nhiều thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước, nổi bật nhất việc kết nối, chia sẻ thông tin với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng cục Thuế Bộ Tài chính, UBND tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND thành phố Hà Nội; UBND thành phố Hồ Chí Minh... Đến nay, Cơ sở dữ liệu quốc

gia về dân cư đã tiếp nhận **trên 1,5 tỷ** yêu cầu để tra cứu, xác thực thông tin phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính và làm sạch dữ liệu, tiết kiệm trên 500 tỷ đồng cho các bộ, ngành, địa phương. Đồng thời, đồng bộ gần **600 triệu** thông tin công dân để làm giàu dữ liệu dân cư.

Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ giúp tạo dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, chia sẻ thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương sử dụng; tạo dựng cơ sở dữ liệu ban đầu chính xác, không phải tốn chi phí thu thập, làm sạch ban đầu. Các bộ, ngành, địa phương tiết kiệm được chi phí thu thập, làm sạch dữ liệu về dân cư khi có thể khai thác, sử dụng thông tin có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đối với cá nhân sẽ không phải kê khai nhiều lần, làm việc với nhiều cơ quan nhà nước khác nhau để cung cấp thông tin cá nhân; thuận lợi trong việc khai thác, sử dụng thông tin mình đã cung cấp vì dữ liệu này đã có tập trung ở Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

5. Bổ sung một số nhóm thông tin sinh trắc học vào Cơ sở dữ liệu căn cước

Luật Căn cước năm 2023 quy định bổ sung một số nhóm thông tin sinh trắc học vào Cơ sở dữ liệu căn cước (thông tin về móng mắt, ADN, giọng nói). Điều này là tương đồng với quy định pháp luật của nhiều nước trên thế giới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn ở nước ta.

Công nghệ nhận diện móng mắt (hay còn gọi là công nghệ cảm biến móng mắt) là phương pháp sử dụng thuật toán, hình ảnh để nhận dạng một người dựa vào cấu trúc các đường vân phức tạp và duy nhất của móng mắt (nơi xác định màu mắt của con người). Hiện nay, nhiều quốc gia đã áp dụng công nghệ này để phục vụ nhận diện công dân, xác thực hộ chiếu, điền thông tin xác thực qua Webservice... Đồng thời công nghệ này có độ chính xác cao, đơn giản, dễ sử dụng, không cần thao tác phức tạp. Do vậy, việc quy định nội dung thu nhận sinh trắc học về móng mắt để cơ quan quản lý căn cước có thêm thông tin, dữ liệu nhằm đối sánh, nhận diện, phân biệt và bảo đảm cấp căn cước chính xác, nhất là đối với các trường hợp các thông tin sinh trắc học về ảnh khuôn mặt, vân tay có sự thay đổi hoặc không thể thu nhận được (như thay đổi khuôn mặt do phẫu thuật thẩm mỹ, tai nạn...; không thu nhận được vân tay do tàn tật, đặc thù nghề nghiệp, bệnh tật...).

Việc thu thập thông tin sinh trắc học về ADN, giọng nói chỉ áp dụng đối với một số người có tiền án, tiền sự phục vụ công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật; những thông tin này do các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính thu thập trong quá trình xử lý vi phạm pháp luật và được chuyển cho cơ quan quản lý căn cước để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước. Do vậy, không làm phát sinh thêm chi phí cho nhà nước mà ngược lại các thông tin sinh trắc học đã được trưng cầu, giám định, thu thập sẽ tiếp tục được chuyển lưu trữ, bảo quản và khai thác, sử dụng hiệu quả.

Việc thu thập, cập nhật các thông tin sinh trắc học vào Cơ sở dữ liệu căn cước được quy định trong Luật Căn cước năm 2023 sẽ bảo đảm quyền con người, quyền bảo đảm bí mật cá nhân quy định trong Hiến pháp, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam.

CHƯƠNG III

THẺ CĂN CƯỚC, GIẤY CHỨNG NHẬN CĂN CƯỚC

1. Về tên gọi thẻ “căn cước” (thay cho thẻ “căn cước công dân”)

Luật Căn cước năm 2023 quy định thẻ “căn cước” thay cho thẻ “căn cước công dân” như hiện nay tại Luật Căn cước công dân năm 2014. Quy định này giúp thẻ hiện đúng bản chất của thẻ là loại giấy tờ có chứa thông tin về căn cước của người dân; giúp phân biệt người này với người khác; xác định danh tính trong thực hiện giao dịch... Quy định tên gọi là thẻ căn cước cũng không tác động đến địa vị pháp lý về quốc tịch của công dân (vì trong thẻ đã thể hiện rõ thông tin về quốc tịch của người được cấp thẻ là quốc tịch Việt Nam).

Việc đổi tên thẻ thành thẻ căn cước còn để bảo đảm tương đồng với thông lệ quốc tế (nhiều nước trên thế giới hiện nay cũng đang sử dụng là thẻ căn cước - Identity Card). Việc thay đổi tên thẻ cũng để bảo đảm tính phổ quát, tạo tiền đề cho hội nhập quốc tế, cho việc thừa nhận, công nhận giấy tờ về căn cước giữa các nước trong khu vực và trên thế giới; hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung Luật khi Việt Nam có ký kết thỏa thuận với các quốc gia khác để sử dụng thẻ căn cước thay cho hộ chiếu trong việc đi lại giữa các quốc gia (ví dụ như đi lại trong khối ASEAN). Hiện nay, thẻ căn cước được thiết kế tuân thủ theo tiêu chuẩn chung của ICAO về tổ chức lưu trữ, khai thác thông tin trên chip điện tử; thẻ có tính bảo mật cao, tiến tới thuận lợi cho người dân trong việc bảo quản, sử dụng trên trường quốc tế.

Việc đổi tên thẻ không phát sinh thủ tục, chi phí đổi thẻ với người dân hoặc chi ngân sách nhà nước vì tại khoản 2 Điều 46 Luật đã có quy định chuyển tiếp: Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân được giữ nguyên giá trị sử dụng; cơ quan nhà nước không được yêu cầu công dân thay đổi, điều chỉnh thông tin về chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong giấy tờ đã cấp.

2. Về thông tin trên thẻ căn cước

Điều 18 Luật Căn cước năm 2023 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng lược bỏ vắn tay; sửa đổi quy định về thông tin số thẻ căn cước, dòng chữ “căn cước công dân”, quê quán, nơi thường trú, chữ ký của người cấp thẻ thành số định danh cá nhân, dòng chữ “căn cước”, nơi đăng ký khai sinh, nơi cư trú... việc thay đổi, cải tiến như trên để tạo thuận lợi hơn cho người dân trong quá trình sử dụng thẻ căn cước, hạn chế việc phải cấp đổi thẻ căn cước và bảo đảm tính riêng tư của người dân; các thông tin

căn cước của người dân cơ bản sẽ được lưu trữ, khai thác, sử dụng thông qua chip điện tử trên thẻ căn cước. Việc chỉnh lý thông tin “nơi thường trú” in trên thẻ căn cước công dân thành “nơi cư trú” in trên thẻ căn cước để phù hợp với thực tiễn vì nhiều người hiện nay chỉ có nơi tạm trú, nơi ở hiện tại hoặc không có nơi thường trú, nơi tạm trú. Với quy định này thì với tất cả người dân Việt Nam đều sẽ đủ điều kiện để được cấp thẻ căn cước; đều được bảo đảm quyền lợi khi có được giấy tờ tùy thân để thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự theo nhu cầu.

Việc cấp đổi thẻ căn cước khi có thay đổi thông tin về nơi cư trú được thực hiện theo nhu cầu của người dân (không bắt buộc); trong khi chưa có điều kiện thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước thì người dân có thể lựa chọn việc tích hợp thông tin vào căn cước điện tử (đây là tiện ích miễn phí trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID) để thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại khác.

Đối với những thẻ căn cước công dân đã cấp thì vẫn còn nguyên giá trị sử dụng, không bị tác động bởi quy định này.

3. Bổ sung việc cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi

Luật Căn cước năm 2023 cũng bổ sung quy định về quản lý, cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của họ; phát huy giá trị, tiện ích của thẻ căn cước trong hoạt động của Chính phủ số, xã hội số. Việc cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi sẽ thực hiện theo nhu cầu, còn đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên là bắt buộc.

Việc bổ sung quy định này bảo đảm tính khả thi khi hiện nay đã có sự thay đổi về công nghệ thu nhận sinh trắc học của con người như đối với vân tay thì sử dụng bộ thu nhận vân tay điện tử thay thế cho sử dụng mực lăn tay, chỉ bản nên có thể thực hiện thu nhận được vân tay của người từ đủ 05 tuổi trở lên vẫn bảo đảm yêu cầu về đối sánh dữ liệu sinh trắc học và yêu cầu quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, việc cấp thẻ căn cước công dân cho người dưới 14 tuổi cũng phù hợp với quy định pháp luật về xuất nhập cảnh (hiện nay vẫn đang thực hiện cấp hộ chiếu, thị thực cho trẻ em mới khai sinh, có chụp ảnh khuôn mặt) và các quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời, tương thích với pháp luật của nhiều nước trên thế giới như: Algeria, Argentina, Bỉ, Bhutan, Brunei, Chile, Colombia, Síp, Equatorial Guinea, Đức, Guatemala, Kuwait, Malaysia...

Thẻ căn cước cấp cho người dưới 14 tuổi không thay thế cho việc cấp giấy khai sinh. Ủy ban nhân dân cấp xã vẫn thực hiện cấp giấy khai sinh cho người dân theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, việc sử dụng giấy khai sinh với kích thước của tờ A4, dễ rách nát, hư hỏng, khó bảo quản và chỉ được cấp một lần trong suốt cuộc đời; giấy này chỉ có các biện pháp bảo mật, chống làm giả sơ sài, lạc hậu, dễ bị làm giả và chứa được rất ít thông tin của người dân nên sẽ gây rất nhiều khó khăn, bất tiện cho người dân. Trong khi đó, thẻ căn cước với kích thước nhỏ

gọn, chất liệu tốt, tính bảo mật, bảo an cao và còn có thể được tích hợp thêm rất nhiều thông tin khác theo nhu cầu của người dân sẽ mang lại nhiều tiện ích cho người dân trong việc đi lại (như đi máy bay, tàu hỏa...), học tập, khám chữa bệnh (như không cần phải mang theo thẻ Bảo hiểm y tế, Sổ tiêm chủng...) và thực hiện các giao dịch khác trong đời sống hàng ngày nên hiệu quả về lợi ích kinh tế - xã hội đem lại khi thực hiện quy định này là rất lớn.

Nhà nước sẽ cung cấp nhiều giải pháp, tiện ích phục vụ cả đối với công dân dưới 14 tuổi trên cơ sở sử dụng thẻ căn cước gắn chip; bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của công dân dưới 14 tuổi khi được sử dụng thẻ căn cước. Công dân là trẻ em dưới 14 tuổi có thể sử dụng thẻ căn cước (hoặc sử dụng thông qua bố, mẹ, người giám hộ) trong rất nhiều dịch vụ, tiện ích như tiêm chủng, khám, chữa bệnh, giáo dục, đi lại... việc quy định cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi được thực hiện theo nhu cầu của công dân hoặc theo đề nghị của cha, mẹ, người giám hộ. Theo đó, về trình tự, thủ tục thực hiện cấp Luật Căn cước năm 2023 đã quy định theo hướng sau:

- Đối với người dưới 06 tuổi thì cha, mẹ hoặc người giám hộ thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước trực tuyến trên cổng dịch vụ công.

- Trường hợp người từ đủ 06 tuổi trở lên thì cha, mẹ hoặc người giám hộ phải đưa người dân đó đến cơ quan quản lý căn cước để thu nhận đặc điểm nhân dạng và thông tin sinh trắc học như người từ đủ 14 tuổi trở lên khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

4. Về việc tích hợp thông tin vào thẻ căn cước

Luật Căn cước năm 2023 đã bổ sung quy định về việc tích hợp một số thông tin có tính ổn định, được sử dụng thường xuyên của người dân ngoài thông tin về căn cước vào thẻ căn cước như: Thông tin về thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn hoặc giấy tờ khác thuộc lĩnh vực quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Việc sử dụng các thông tin tích hợp từ thẻ căn cước có giá trị tương đương như việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng các giấy tờ có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại khác; qua đó, giúp giảm giấy tờ cho người dân, tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện giao dịch dân sự, thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính.

Việc sử dụng thẻ căn cước gắn chip đã được tích hợp thêm thông tin khác là một phương thức mới, ngoài phương thức hiện hành là sử dụng các giấy tờ hiện có do cơ quan có thẩm quyền cấp cho người dân nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính và các giao dịch khác. Quy định này không xung đột với quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan trong việc

quản lý, sử dụng các giấy tờ nêu trên; không ảnh hưởng đến chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương với các loại giấy tờ, dữ liệu đang quản lý. Việc khai thác thông tin trong thẻ căn cước được phân cấp, phân quyền cụ thể, bảo đảm đối tượng khai thác chỉ được phép khai thác khi thực hiện trong chức năng, nhiệm vụ được giao và phải được người dân đồng ý thông qua việc xác thực bằng quét vân tay, khuôn mặt trên thiết bị hoặc qua ứng dụng định danh quốc gia VNeID (người dân có quyền cho phép tổ chức, cá nhân khai thác thông tin nào thì sẽ quyết định, phê duyệt trên ứng dụng VNeID). Trường hợp người dân bị mất thẻ căn cước mà chưa có điều kiện thực hiện việc cấp lại thẻ thì có thể thực hiện việc khai thác, sử dụng thông tin tích hợp qua căn cước điện tử.

5. Về cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước

Trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước quy định tại Luật Căn cước năm 2023 cơ bản kế thừa từ Luật Căn cước công dân năm 2014; tuy nhiên, đã có chỉnh lý theo hướng rút gọn, hiện đại hơn, như việc thực hiện tự động trích xuất thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, khi đến làm thủ tục người dân chỉ việc kiểm tra lại tờ khai đã được trích xuất, in sẵn và ký xác nhận, người dân không phải tự kê khai. Bên cạnh đó, việc thu nhận vân tay của người dân cũng được thực hiện bằng thiết bị điện tử, không phải lăn tay bằng mực nên bảo đảm việc thu nhận được nhanh chóng, chính xác, thuận lợi hơn.

Đồng thời, bổ sung trình tự, thủ tục thực hiện đối với người dưới 14 tuổi, người dưới 6 tuổi cho phù hợp; đồng thời, bổ sung việc cấp lại thẻ căn cước được thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công, ứng dụng định danh quốc gia (người dân không phải đến cơ quan quản lý căn cước để thực hiện thủ tục); cơ quan quản lý căn cước sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp lại thẻ căn cước cho người dân.

Luật cũng quy định trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý căn cước phải cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước (đây là quy định chung, áp dụng trên toàn quốc, không phân biệt theo địa bàn cư trú của người dân như Luật Căn cước công dân năm 2014).

6. Giấy chứng nhận căn cước và quản lý về căn cước đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được cấp giấy chứng nhận căn cước

Về cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam, đây là nội dung được bổ sung so với quy định của Luật Căn cước công dân năm 2014 nhằm bảo đảm quyền, lợi ích của người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam; đồng thời, phục vụ tốt hơn công tác quản lý nhà nước về dân cư.

CHƯƠNG IV

CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC ĐIỆN TỬ

1. Thẻ căn cước và căn cước điện tử

Thẻ căn cước và căn cước điện tử là 02 hình thức thể hiện, ghi nhận, chứng minh thông tin căn cước của công dân Việt Nam, cả 02 hình thức này đều có giá trị sử dụng trong các hoạt động cụ thể, việc quy định song song 02 hình thức này sẽ giúp người dân thuận lợi hơn trong thực hiện giao dịch, đi lại và các hoạt động khác. Luật Căn cước năm 2023 quy định mỗi công dân Việt Nam được cấp 01 căn cước điện tử; căn cước điện tử có giá trị tương đương như thẻ căn cước sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và thực hiện các giao dịch, hoạt động khác theo nhu cầu của công dân.

2. Bảo đảm điều kiện cho hoạt động quản lý căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân

Luật Căn cước năm 2023 bổ sung quy định khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tài trợ, hỗ trợ để xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước; khuyến khích sử dụng phần mềm, thiết bị, giải pháp tích hợp là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức, doanh nghiệp, công dân Việt Nam tự nghiên cứu, thiết kế, chế tạo trong việc xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử. Các nội dung như bảo đảm cơ sở hạ tầng thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước; phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và lệ phí cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận căn cước; bảo vệ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước cơ bản được giữ nguyên như Luật Căn cước công dân năm 2014.

3. Trách nhiệm quản lý căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân

Luật Căn cước năm 2023 đã quy định rõ hơn trách nhiệm của Bộ Công an, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý nhà nước về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, định danh và xác thực điện tử để tăng cường công tác quản lý nhà nước, bảo đảm hiệu quả trong triển khai thi hành pháp luật.